



CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TOÀN TẬP ĐOÀN FPT
Quý IV năm 2009

Năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT**89 Láng Hạ, Hà Nội, Việt Nam****BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2009****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.103.156.239.842	4.658.263.302.412
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.312.095.706.271	1.242.502.927.497
1	Tiền	111		1.716.895.706.271	1.088.022.490.228
2	Các khoản tương đương tiền	112		595.200.000.000	154.480.437.269
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		617.714.309.165	-
1	Đầu tư ngắn hạn	121		617.714.309.165	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.844.686.070.396	1.994.169.987.920
1	Phải thu của khách hàng	131		1.894.750.205.372	1.541.292.025.933
2	Trả trước cho người bán	132		685.105.002.850	271.888.719.628
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134		98.379.307.718	92.724.478.378
5	Các khoản phải thu khác	135	5	188.594.469.192	107.083.598.814
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(22.142.914.737)	(18.818.834.833)
IV.	Hàng tồn kho	140	6	1.560.076.334.363	1.223.957.881.179
1	Hàng tồn kho	141		1.568.742.075.340	1.230.872.064.900
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.665.740.977)	(6.914.183.721)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		768.583.819.647	197.632.505.816
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		94.162.372.035	40.370.582.395
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		209.325.081.214	143.679.733.662
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nh à nước	154		12.484.036.594	1.363.407.276
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		452.612.329.804	12.218.782.483
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.541.576.050.937	1.466.570.854.462
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		771.788.810	-
4	Phải thu dài hạn khác	218		788.823.810	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(17.035.000)	
II.	Tài sản cố định	220		1.324.492.268.497	960.726.163.328
1	Tài sản cố định hữu hình	221	7	889.290.386.319	694.250.036.187
	Nguyên giá	222		1.588.193.647.857	1.207.764.590.999
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(698.903.261.538)	(513.514.554.812)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		146.539.767	153.670.867
	Nguyên giá	225		219.809.549	180.473.274
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(73.269.782)	(26.802.407)
3	Tài sản cố định vô hình	227	8	52.109.697.755	44.566.041.768
	Nguyên giá	228		111.545.021.013	83.092.578.511
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.435.323.257)	(38.526.536.743)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	382.945.644.656	221.756.414.506
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		913.208.411.681	290.070.028.679
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	379.652.376.989	243.554.076.179
3	Đầu tư dài hạn khác	258		559.888.966.270	47.695.852.500
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(26.332.931.579)	(1.179.900.000)
V.	LỢI THÊ THUƠNG MẠI	260		5.998.500.000	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	270		297.105.081.949	215.774.662.455
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		243.989.836.487	153.151.586.037
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	34.477.185.455	23.365.346.963
3	Tài sản dài hạn khác	268		18.638.060.007	39.257.729.455
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		10.644.732.290.780	6.124.834.156.874

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT
89 Láng Hạ, Hà nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2009
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		6.847.347.449.587	3.165.352.228.560
I.	Nợ ngắn hạn	310		4.819.635.408.844	3.160.423.294.749
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	13	2.099.088.013.038	1.236.811.819.207
2	Phải trả cho người bán	312		1.558.991.635.156	1.057.507.949.067
3	Người mua trả tiền trước	313		271.681.536.010	336.639.630.984
4	Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	14	346.423.212.916	189.056.164.373
5	Phải trả công nhân viên	315		144.404.739.935	36.336.932.140
6	Chi phí phải trả	316		135.824.109.933	122.981.748.223
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		12.758.145.704	7.364.680.088
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	247.486.611.478	155.990.679.947
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		2.977.404.675	17.733.690.720
II.	Nợ dài hạn	330		2.027.712.040.742	4.928.933.811
3	Phải trả dài hạn khác	333		16.990.165.243	2.895.195.181
4	Vay và nợ dài hạn	334		2.004.854.169.392	146.775.542
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		(129.211.243)	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		909.165.674	772.562.582
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		5.087.751.676	1.114.400.506
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.050.494.960.152	2.433.246.607.770
I.	Vốn chủ sở hữu	410		2.988.396.381.506	2.373.482.966.468
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	1.438.319.670.000	1.411.620.740.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		54.851.281.360	54.851.281.360
4	Cổ phiếu quỹ	414		(2.808.550.000)	(1.831.500.000)
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.986.559.541	3.164.755.291
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn ĐL & đầu tư phát triển	417		103.009.261	103.009.261
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		104.490.894.676	107.565.521.411
10	Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.387.453.516.668	798.009.159.145
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		62.098.578.645	59.763.641.302
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		59.348.578.645	57.013.641.302
2	Nguồn kinh phí	432		2.750.000.000	2.750.000.000
C	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		746.889.881.041	526.235.320.544
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		10.644.732.290.780	6.124.834.156.874

Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Phương

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2010

Tổng giám đốc

Nguyễn Thành Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT**89 Láng Hạ, Hà nội, Việt Nam****BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2009****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Quý IV/2009		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	14.983.873.055.400	9.113.084.423.427	40.071.149.810.737	33.811.399.862.093
	<i>Trong đó: - Doanh thu thuần đã loại trừ phần bán nội bộ (*)</i>		<i>5.833.300.298.887</i>	<i>4.356.643.298.983</i>	<i>18.751.121.453.000</i>	<i>16.806.168.180.809</i>
	<i>- Doanh thu thu ần bán cho bên thứ ba</i>		<i>5.762.558.111.646</i>	<i>4.046.751.611.314</i>	<i>18.413.484.440.776</i>	<i>16.381.839.784.482</i>
2	Giá vốn hàng bán	11	13.611.984.678.970	8.114.572.256.695	35.832.166.589.276	30.440.858.412.280
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.371.888.376.430	998.512.166.732	4.238.983.221.461	3.370.541.449.813
4	Doanh thu hoạt động tài chính	21	96.123.946.593	70.044.741.821	203.211.683.872	197.472.172.458
5	Chi phí tài chính	22	256.846.227.498	102.010.736.773	450.844.341.551	495.236.445.170
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	<i>65.270.240.504</i>	<i>11.553.567.776</i>	<i>109.698.561.121</i>	<i>80.487.827.505</i>
6	Chi phí bán hàng	24	374.656.468.442	276.734.563.268	1.059.320.645.952	972.132.524.139
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	480.497.825.666	311.879.365.059	1.332.538.395.590	909.898.274.415
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	356.011.801.417	377.932.243.453	1.599.491.522.240	1.190.746.378.547
9	Thu nhập khác	31	67.730.416.369	97.204.445.155	191.609.028.290	191.150.989.872
10	Chi phí khác	32	22.079.617.702	45.626.313.575	156.331.737.735	101.852.923.260
11	Lợi nhuận khác	40	45.650.798.668	51.578.131.580	35.277.290.555	89.298.066.612
12	Lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết		28.725.237.846	(32.834.291.195)	67.452.839.984	(39.959.075.351)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	430.387.837.931	396.676.083.838	1.702.221.652.779	1.240.085.369.808
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	78.315.413.450	63.734.524.820	314.109.631.523	212.403.699.319
15	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(14.493.905.411)	(23.365.346.963)	(16.166.299.237)	(23.365.346.963)
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	366.566.329.891	356.306.905.981	1.404.278.320.493	1.051.047.017.452
	<i>- Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>		<i>78.353.328.853</i>	<i>28.194.422.962</i>	<i>342.512.356.740</i>	<i>214.776.420.820</i>
	<i>- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>		<i>288.213.001.038</i>	<i>328.112.483.019</i>	<i>1.061.765.963.753</i>	<i>836.270.596.632</i>
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.998	2.332	7.487	5.959

Ghi chú (*): Chi loại phần doanh số chuyển hàng giữa các đơn vị thành viên

Kế toán trưởng**Nguyễn Thế Phụng****Lập ngày 25 tháng 01 năm 2010****Tổng giám đốc****Nguyễn Thành Nam**

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT
89 Láng Hạ, Hà nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2009
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	1.702.221.652.779	1.240.085.369.808
2	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	303.793.474.732	239.579.866.501
-	Các khoản dự phòng	03	30.245.703.739	12.782.651.645
-	Lợi nhuận thuần từ đầu tư vào công ty liên kết		(60.335.800.810)	43.907.385.731
-	Xóa sổ tài sản cố định (thuần)		-	2.339.122.283
-	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.394.892.384	6.050.173.517
-	(Lãi) lỗ từ thanh lý TSCĐ		8.059.698.417	(19.479.365.612)
-	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(376.048.442)
-	Chi phí lãi vay	06	109.698.561.121	80.487.827.505
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.095.078.182.361	1.605.376.982.936
-	(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(942.506.801.552)	(180.373.800.109)
-	(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(337.870.010.440)	199.228.286.404
-	Tăng (giảm) các khoản phải trả (ko kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	628.296.116.495	160.805.132.763
-	Tăng (giảm) chi phí trả trước	12	(144.630.040.090)	8.908.800.515
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(75.631.475.450)	(96.013.911.456)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(170.727.137.071)	(215.724.602.526)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		508.478.969
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(536.520.151.296)	(112.078.597.834)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	515.488.682.958	1.370.636.769.662
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(682.463.268.903)	(708.045.537.841)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	6.843.990.585	38.999.419.468
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(617.714.309.165)	
5	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(657.122.914.580)	(23.900.000.000)
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	78.052.945.044	11.750.000.000
	Tiền chi mua lại phần vốn góp của các cổ đông thiểu số			(1.920.000.000)
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(1.872.403.557.019)	(683.116.118.373)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	26.698.930.000	18.080.370.000
2	Vốn góp của các cổ đông thiểu số vào các công ty con		57.614.170.000	96.604.410.000
3	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(3.605.040.000)	(2.366.850.000)
4	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.421.388.677.804	6.138.972.666.600
5	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.554.405.090.123)	(6.202.511.262.423)
7	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(521.183.994.846)	(389.311.861.400)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.426.507.652.835	(340.532.527.223)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ	50	1.069.592.778.774	346.988.124.066
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.242.502.927.497	895.514.803.431
	Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ	70	2.312.095.706.271	1.242.502.927.497

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Thế Phương

Nguyễn Thành Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FPT ban đầu là một công ty nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/05/2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Tại ngày 31/12/2009, Công ty Cổ phần FPT có quyền kiểm soát trực tiếp trong 12 công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT (FPT Information System);
- Công ty Cổ phần Thương mại FPT (FPT Trading Group);
- Công ty Cổ phần Phần mềm FPT (FPT Software);
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom Corporation);
- Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT;
- Công ty Cổ phần Quảng cáo FPT;
- Công ty Cổ phần FPT VISKY.
- Đại học FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Tin học FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông Giải trí FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển Khu công nghệ cao Hoà Lạc FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bất động sản FPT (FPT Land);

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 24 tháng 08 năm 2009, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT tăng từ 1.411.620.740.000 đồng lên 1.438.319.670.000 đồng.

Từ năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin và viễn thông như tích hợp hệ thống; sản xuất và dịch vụ phần mềm; các dịch vụ ERP; phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; phân phối điện thoại di động; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; lắp ráp máy tính; bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các báo cáo tài chính của các công ty do Tập đoàn kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2009. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tập đoàn tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Tập đoàn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước, phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	2 - 3

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính được hình thành từ giao dịch thuê tài chính, khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

(i) Quyền phát hành và bản quyền

Giá mua quyền phát hành và bản quyền mới được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Quyền phát hành và bản quyền được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(ii) Nhãn hiệu hàng hóa

Giá mua nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được ghi nhận vào tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này.

(iii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(iv) Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu

Giá mua giấy phép và nhượng quyền thương hiệu được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê; chi phí thuê văn phòng, công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí tân trang văn phòng và chi phí trả trước khác.

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê.

Giá trị công cụ dụng cụ, dụng cụ xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí trong vòng từ hai đến ba năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong năm 2008 và 2009. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Dự phòng cho bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay

Dự phòng cho bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay là các bảo lãnh mà Đại học FPT đã cấp cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong liên quan đến các khoản cho vay mà Ngân hàng cấp cho các sinh viên của Trường đại học FPT, một công ty con của Tập đoàn FPT.

Các quỹ

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được lập hàng năm bằng cách phân bổ lợi nhuận sau thuế. Từ năm 2006, theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Điều lệ Công ty sửa đổi, Công ty không tiếp tục trích lập Quỹ đầu tư và phát triển.

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc. Khi quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho các mục đích này, giá trị đã sử dụng được kết chuyển sang vốn.

(ii) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được lập hàng năm bằng cách phân bổ 5% lợi nhuận thuần sau thuế cho đến khi số dư quỹ tương đương với 10% vốn điều lệ.

(iii) Quỹ phúc lợi và khen thưởng

Quỹ phúc lợi và khen thưởng được lập hàng năm bằng cách phân bổ 10% lợi nhuận thuần sau thuế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu từ các dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành. Các khoản thu được từ việc bán thẻ trả trước, nhưng thẻ đã bán chưa được sử dụng hoặc chưa hết hạn sử dụng, được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Doanh thu từ học phí và phí

Doanh thu được ghi nhận trong kỳ khi dịch vụ được cung cấp. Học phí và các khoản phí thu trước của sinh viên được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính có kỳ học liên quan.

Nộp phí và học phí

Toàn bộ phí và học phí được nộp trước khi bắt đầu mỗi kỳ học.

Phí tuyển sinh hoặc phí đăng ký dự thi

Phí đăng ký dự thi là khoản phí cố định nộp một lần được tính trên mỗi sinh viên và được thu cùng với đơn đăng ký tuyển sinh. Tiền thu từ phí đăng ký được sử dụng để trang trải cho các chi phí liên quan đến toàn bộ các thủ tục xử lý hồ sơ tuyển sinh của mỗi sinh viên bao gồm cả công tác quản lý đánh giá quá trình học tập tại trường trước và sắp xếp sinh viên cho phù hợp. Phí đăng ký dự thi không được hoàn lại.

Các giao dịch hàng đổi hàng

Doanh thu từ giao dịch đổi hàng hóa và dịch vụ lấy các hàng hóa và dịch vụ không cùng chủng loại được hạch toán theo giá trị hợp lý của hàng hóa và dịch vụ nhận về, được điều chỉnh theo giá trị tiền hoặc tương đương tiền đã nhận hoặc đã trả. Khi hàng hóa và dịch vụ được đổi lấy hàng hóa và dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi này được coi là không có tính thương mại và không được coi là giao dịch tạo doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo trừ phi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và kết chuyển sang dự phòng chênh lệch tỷ giá của Công ty. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung ứng sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Tích hợp hệ thống: cung cấp thiết bị công nghệ thông tin (CNTT), cung cấp dịch vụ phần mềm, dịch vụ ERP, dịch vụ mạng và dịch vụ bảo trì cho khách hàng trong các lĩnh vực ngân hàng và tài chính, viễn thông, y tế, lợi ích công cộng và Chính phủ;
- Xuất khẩu phần mềm: cung cấp dịch vụ phát triển phần mềm và dịch vụ bảo trì, gia công phần mềm, thử nghiệm đảm bảo chất lượng và gia công quy trình doanh nghiệp;
- Viễn thông: cung cấp dịch vụ internet không dây và có dây, dịch vụ trực tuyến cho doanh nghiệp và khách hàng cá nhân, dịch vụ Cổng dữ liệu Web, IPTV, trò chơi trực tuyến, nhạc trực tuyến và tin tức trực tuyến;
- Đào tạo: quản lý một trường đại học tư nhân đào tạo kỹ sư phần mềm;
- Thương mại: phân phối các sản phẩm CNTT bao gồm sản phẩm phần cứng, sản phẩm phần mềm và điện thoại di động và chuỗi các cửa hàng/phòng trưng bày sản phẩm CNTT bao gồm sản phẩm phần cứng, sản phẩm phần mềm và điện thoại di động tập trung vào các khách hàng là người tiêu dùng;
- Truyền thông: sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo cho các chương trình nghe nhìn; xây dựng nội dung các chương trình truyền thông đại chúng và tổ chức các sự kiện viễn thông và giải trí; và
- Dịch vụ bảo trì: cung cấp dịch vụ bảo trì cho các thiết bị CNTT và thiết bị mạng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Tập đoàn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Một số công ty trong Tập đoàn được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đầu tư vào các dự án được Nhà nước khuyến khích và được miễn giảm thuế. Thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tính từ năm được cấp có thẩm quyền chấp thuận dự án đầu tư. Sau khi hết thời gian được hưởng ưu đãi thuế, các đơn vị này sẽ chuyển sang áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Các dự án đầu tư mở rộng sản xuất được tăng thêm thời gian miễn, giảm thuế tính cho phần thu nhập tăng thêm. Thời gian được miễn thuế thu nhập tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, và được cộng gộp sau khi đã xác định thuế thu nhập tại các đơn vị thành viên. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền đối với các công ty trong Tập đoàn.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính và sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31-12-2009	31-12-2008
	VND	VND
Tiền mặt	19.614.354.735	27.574.193.854
Tiền gửi ngân hàng	1.667.913.506.451	1.060.448.296.374
Tiền đang chuyển	29.367.845.085	-
Các khoản tương đương tiền	595.200.000.000	154.480.437.269
Tổng cộng	2.312.095.706.271	1.242.502.927.497

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng hoặc trên 3 tháng theo các điều khoản rút gốc linh hoạt.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31-12-2009	31-12-2008
	VND	VND
Pthu từ trợ giá cho hàng bán	29.683.286.125	45.543.701.874
Các khoản phải thu khác	158.911.183.067	61.539.896.940
Tổng cộng	188.594.469.192	107.083.598.814

6. HÀNG TỒN KHO

	31-12-2009	31-12-2008
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	579.508.781.905	130.128.327.446
Nguyên vật liệu	115.099.406.152	158.881.462
Công cụ và dụng cụ	4.809.223.719	36.375.083.857
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.851.142.301	294.453.757.164
Thành phẩm	37.979.182.092	4.734.522.555
Hàng hóa mua để bán	803.494.339.171	765.021.492.416
Tổng cộng	1.568.742.075.340	1.230.872.064.900
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.665.740.977)	(6.914.183.721)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.560.076.334.363	1.223.957.881.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	160.864.033.882	715.282.124.114	17.995.324.709	308.541.087.565	5.082.020.729	1.207.764.590.999
- Mua trong năm	100.579.804.800	215.868.401.598	25.631.024.324	196.894.405.213	349.735.659	539.323.371.594
- Tặng khác	37.814.118	1.485.158.299	1.251.525.904	6.706.251.868	11.500.000	9.492.250.189
- Thanh lý, nhượng bán	21.744.267.183	12.429.234.616	3.166.656.126	73.772.189.956	167.036.844	111.279.384.725
- Giảm khác	5.472.988.120	25.391.922.276	3.698.242.182	22.532.974.710	11.052.912	57.107.180.200
Số dư cuối năm	234.264.397.497	894.814.527.119	38.012.976.629	415.836.579.980	5.265.166.632	1.588.193.647.857
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	(14.711.392.208)	(309.479.497.512)	(10.803.542.548)	(176.126.180.583)	(2.393.941.961)	(513.514.554.812)
- Khấu hao trong năm	(14.151.298.195)	(90.027.012.008)	(5.149.093.492)	(156.054.114.100)	(1.309.898.562)	(266.691.416.357)
- Tặng khác	-	(602.611.975)	(175.169.386)	(546.683.575)	(2.875.002)	(1.327.339.938)
- Thanh lý, nhượng bán	(5.592.859.592)	(5.911.323.469)	(2.119.984.741)	(32.586.755.495)	(122.114.507)	(46.333.037.804)
- Giảm khác	(908.537.166)	(16.198.493.430)	(3.537.678.423)	(15.644.159.967)	(8.142.779)	(36.297.011.765)
Số dư cuối năm	(22.361.293.645)	(377.999.304.596)	(10.470.142.262)	(284.496.062.796)	(3.576.458.239)	(698.903.261.538)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
- Tại ngày đầu năm	146.152.641.674	405.802.626.602	7.191.782.161	132.414.906.982	2.688.078.768	694.250.036.187
- Tại ngày cuối năm	211.903.103.852	516.815.222.523	27.542.834.367	131.340.517.184	1.688.708.393	889.290.386.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành và bản quyền	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm	Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm		14.849.092.066	175.351.445	50.657.938.123	17.410.196.877	83.092.578.511
- Mua trong năm	9.114.336.000	9.310.567.029	-	12.270.173.953	-	30.695.076.982
- Tăng khác	-	-	-	181.439.616	-	181.439.616
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	2.250.989.967	-	2.250.989.967
- Giảm khác	-	-	-	173.084.129	-	173.084.129
Số dư cuối năm	9.114.336.000	24.159.659.095	175.351.445	60.685.477.596	17.410.196.877	111.545.021.013
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	-	(5.683.448.642)	(63.321.354)	(21.470.484.571)	(11.309.282.176)	(38.526.536.743)
- Khấu hao trong năm	-	(8.360.352.709)	(58.450.481)	(13.008.214.111)	(113.256.480)	(21.540.273.781)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(631.487.267)	-	(631.487.267)
Số dư cuối năm	-	(14.043.801.351)	(121.771.835)	(33.847.211.415)	(11.422.538.656)	(59.435.323.257)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
- Tại ngày đầu năm	-	9.165.643.424	112.030.091	29.187.453.552	6.100.914.701	44.566.041.768
- Tại ngày cuối năm	9.114.336.000	10.115.857.744	53.579.610	26.838.266.180	5.987.658.221	52.109.697.755

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31-12-2009	31-12-2008
	VNĐ	VNĐ
Tòa nhà FPT Đà Nẵng	71.989.456.039	17.169.632.487
Tòa nhà FPT 89 Láng Hạ, Hà Nội	14.393.543.491	2.398.000.000
Dự án FPT City tại Đà Nẵng	181.749.048.367	-
Dự án khu công nghệ cao TP HCM	26.777.715.110	166.484.148.243
Công trình HH4- Nam An Khánh	59.053.237.073	21.984.005.801
Khác	28.982.644.576	13.720.627.975
Tổng cộng	382.945.644.656	221.756.414.506

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết thông tin về các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2009 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Hệ thống thông tin	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	95%	95%	Cung cấp các giải pháp CNTT và tích hợp hệ thống
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	Tầng 6-11 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	67,52%	67,52%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	Tòa nhà Viglacera, số 1 Láng Hòa Lạc, Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	95%	95%	Phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (i)	48 Vạn Bảo, Ba Đình, Hà Nội	41,62%	41,62%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác
Đại học FPT	Tòa nhà Detech, 15B Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ đào tạo và công nghệ
Công ty Cổ phần Quảng cáo FPT	79 Bis, Điện Biên Phủ, Đa Cao, Q1, TP HCM	60%	60%	Tổ chức triển lãm, hội nghị, sản xuất và kinh doanh phim, bản quyền
Công ty TNHH Bất động sản FPT	Tầng 14 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh, đầu tư bất động sản và cung cấp các dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ và kho bãi
Công ty TNHH Truyền thông giải trí FPT	Tầng 5 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và quảng cáo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty TNHH Dịch vụ tin học FPT	1A Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị điện tử, công nghệ và công nghiệp
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến (ii)	131 Np Trang Long, Bình Thạnh, TP HCM	34,67%	50,56%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến
Công ty TNHH Phát triển Khu công nghệ cao Hoà Lạc FPT	Tầng 5 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Phối hợp xây dựng và vận hành Khu Công nghệ cao Hòa Lạc
Công ty Cổ phần FPT VISKY	Tầng 12 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ nội dung số

- (i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 41,62% phần vốn (2008: 43,50%) và có 41,62% quyền biểu quyết (2008: 43,50%) ở Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Tập đoàn có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Tập đoàn có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó thực hiện hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty này vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.
- (ii) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 34,67% phần vốn (2008: 35,60%) ở Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT, trong đó lợi ích trực tiếp là 23,33% và lợi ích gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Viễn thông FPT là 11,34%. Công ty Cổ phần Viễn thông FPT cũng sở hữu 27,22% ở Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT. Trên cơ sở Công ty Cổ phần Viễn thông FPT kiểm soát hơn 50% quyền biểu quyết thông qua các thỏa thuận của họ với Công ty Cổ phần FPT và một nhà đầu tư cá nhân khác của Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT, Tập đoàn thực hiện việc hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009 VNĐ
Số dư đầu kỳ/ năm	243.554.076.179
Đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ/ năm	79.200.000.000
Phần lợi nhuận của Tập đoàn trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	60.335.800.810
Cổ tức nhận được	(3.437.500.000)
Số dư cuối kỳ/ năm	379.652.376.989

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2009 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	25%	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	Tầng 13 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	33%	Quản lý Quỹ đầu tư, Quản lý danh mục và các dịch vụ khác

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT
89 Láng Hạ, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-ĐN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (i)	Tầng 1-2 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	15,96%	Thực hiện dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính liên quan tại Việt Nam
--	--	--------	---

- (i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 15,96% quyền biểu quyết (2008: 15%) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong thông qua đại diện có vai trò chủ chốt của Tập đoàn trong Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong, do đó báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Tài sản cố định	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Các khoản dự phòng	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ/ năm	11.999.803.420	1.930.187.320	9.435.356.223	23.365.346.963
Chuyển sang lợi nhuận/ (lỗ) trong kỳ	13.563.061.360	(1.015.108.121)	(1.436.114.748)	11.111.838.492
Số dư cuối kỳ/ năm	25.562.864.780	915.079.200	7.999.241.475	34.477.185.455

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31-12-2009 VNĐ	31-12-2008 VNĐ
Vay ngắn hạn các ngân hàng	1.855.052.197.235	1.222.188.733.624
Vay ngắn hạn các cá nhân	244.035.815.803	14.623.085.583
Tổng cộng	2.099.088.013.038	1.236.811.819.207

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31-12-2009 VNĐ	31-12-2008 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	86.866.145.958	72.830.923.357
Thuế xuất, nhập khẩu	18.193.038.170	22.600.137.519
Thuế thu nhập doanh nghiệp	214.368.446.297	62.130.331.694
Thuế thu nhập cá nhân	23.697.852.620	30.067.465.785
Các loại thuế khác	3.297.729.871	1.427.306.018
Tổng cộng	346.423.212.916	189.056.164.373

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31-12-2009 VNĐ	31-12-2008 VNĐ
Kinh phí công đoàn	15.088.490.646	10.136.659.879
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.838.201.250	7.413.425.661
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	22.201.876.405	24.365.404.720
Phải trả tiền cổ tức	2.242.098.442	2.235.069.268
Doanh thu chưa thực hiện	179.985.279.899	98.258.973.235
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.130.664.836	13.581.147.184
Tổng cộng	247.486.611.478	155.990.679.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn	Cổ phiếu quỹ	CLTG hối đoái	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ phúc lợi và khen thưởng	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn kinh phí sự nghiệp	Tổng cộng
	000 VNĐ	000 VNĐ	000 VNĐ	000 VNĐ	000 VNĐ	000 VNĐ	000 VNĐ	000 VNĐ	000 VNĐ
Số dư tại ngày 01-01-2008	923.525.790	524.865.861	(176.000)	(1.024.333)	60.373.399	37.177.108	431.916.798	2.750.000	1.979.408.623
Phát hành cổ phiếu	18.080.370								18.080.370
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	470.014.580	(470.014.580)							-
Lợi nhuận thuần trong năm							836.270.597		836.270.597
Mua cổ phiếu quỹ			(1.655.500)						(1.655.500)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận					47.295.132	85.604.573	(132.899.704)		-
Sử dụng các quỹ						(65.708.304)			(65.708.304)
Cổ tức							(336.816.001)		(336.816.001)
Biến động khác				4.189.088		(59.735)	(462.530)		3.666.823
Số dư tại ngày 01-01-2009	1.411.620.740	54.851.281	(1.831.500)	3.164.755	107.668.531	57.013.641	798.009.159	2.750.000	2.433.246.608
Vốn góp	26.698.930								26.698.930
Lợi nhuận thuần trong năm							1.061.765.964		1.061.765.964
Mua cổ phiếu quỹ			(977.050)						(977.050)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận					91.033	106.176.596	(106.267.630)		-
Sử dụng các quỹ					(2.272.711)	(103.841.659)			(106.114.370)
Cổ tức							(356.253.482)		(356.253.482)
Biến động khác				2.821.804	(892.948)		(9.800.495)		(7.871.639)
Số dư tại ngày 31-12-2009	1.438.319.670	54.851.281	(2.808.550)	5.986.560	104.593.904	59.348.579	1.387.453.517	2.750.000	3.050.494.960

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ tức

Trong nửa đầu năm 2009, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã ban hành Quyết định số 32-2009/FPT/QĐ-HĐQT ngày 18/05/2009 về việc tạm ứng cổ tức năm 2009 với tỷ lệ trả cổ tức lần này là 10% trên mệnh giá.

Ngày 31/12/2009, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2009 với tỷ lệ trả cổ tức 15% trên mệnh giá theo quyết định số 74-2009/FPT-QĐ-HĐQT ngày 01/12/2009.

Số cổ phiếu đang lưu hành

	31-12-2009	31-12-2008
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Vốn cổ phần được duyệt	143.831.967	141.162.074
Cổ phiếu đã phát hành	143.831.967	141.162.074
Cổ phiếu phổ thông	142.649.197	139.787.819
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	1.182.770	1.374.255
Cổ phiếu quỹ	-280.855	(183.150)
Cổ phiếu đang lưu hành	143.551.112	140.978.924
Cổ phiếu phổ thông	142.649.197	139.787.819
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	901.915	1.191.105

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

17. DOANH THU

	31-12-2009	31-12-2008
	VNĐ	VNĐ
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
DT bán hàng hóa	33.180.638.235.505	29.610.554.055.214
DT cung cấp dịch vụ	6.916.097.161.189	4.232.910.583.916
Chiết khấu thương mại	(4.114.087.070)	(5.182.059.066)
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán trả lại	(21.471.498.887)	(26.882.717.971)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.071.149.810.737	33.811.399.862.093

18. GIÁ VỐN

	31-12-2009	31-12-2008
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ		
Giá vốn hàng hóa	31.710.440.787.460	28.990.558.182.858
Giá vốn dịch vụ	4.121.725.801.816	1.450.300.229.422
Tổng cộng	35.832.166.589.276	30.440.858.412.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	31-12-2009	31-12-2008
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu hoạt động tài chính		
Doanh thu lãi tiền gửi	94.042.214.400	77.233.815.806
Doanh thu tiền cổ tức		-
Lãi chênh lệch tỷ giá	108.822.564.858	119.721.678.081
Doanh thu khác	346.904.613	516.678.571
Tổng cộng	203.211.683.872	197.472.172.458

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	31-12-2009	31-12-2008
	VNĐ	VNĐ
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	109.698.561.121	80.487.827.505
Lỗ chênh lệch tỷ giá	249.247.960.465	402.817.404.988
Chi phí tài chính khác	91.897.819.965	11.931.212.677
Tổng cộng	450.844.341.551	495.236.445.170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Thông tin tóm tắt về kết quả hoạt động kinh doanh thuần theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 31/12/2009 được trình bày như dưới đây:

	Tích hợp hệ thống	Xuất khẩu phần mềm	Viễn thông	Đào tạo	Thương mại	Truyền thông	Dịch vụ bảo trì	Khác	Tổng cộng
	triệu VNĐ	triệu VNĐ	triệu VNĐ	triệu VNĐ	triệu VNĐ	triệu VNĐ	triệu VNĐ	triệu VNĐ	triệu VNĐ
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (*)	2.994.543	756.350	1.851.523	175.857	12.744.394	143.285	68.131	17.038	18.751.121
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	399.385	203.007	541.296	61.010	349.442	18.407	26.046	898	1.599.492

Ghi chú (*): Chi loại phần doanh số chuyển hàng giữa các đơn vị thành viên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	31-12-2009	31-12-2008
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.061.765.963.753	836.270.596.632
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	141.823.480	140.328.357
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.487	5.959

22. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 31/12/2009, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã phê duyệt thực hiện các dự án sau:

- Dự án 89 Láng Hạ: Công ty Cổ phần FPT là Chủ đầu tư dự án, Đại diện chủ đầu tư do Tổng Giám đốc chỉ định.
- Dự án xây dựng Đại học FPT tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc: Công ty Cổ phần FPT cấp bổ sung vốn 100 tỷ đồng để xây trường Đại học FPT.
- Dự án FPT City Đà Nẵng: Thông qua việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng có vốn điều lệ 350 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần FPT góp 99,8%.
